

MẤY VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO QUA THỰC TIỄN QUAN TRẮC HIỆN TƯỢNG HÀNH ĐỘNG MIẾU BÀ CHÚA XỨ (*)

PHILIP TAYLOR

Trong những năm gần đây tín ngưỡng thờ thần ở miền Nam Việt Nam có biểu hiện gia tăng mạnh mẽ. Các miếu thờ thần như Bà Chúa Xứ, Bà Đen, Dinh Cô và Thiên Hậu mỗi năm thu hút hàng triệu khách hành hương. Lễ Vía các Bà có thể nói là những ngày hội lớn nhất trong vùng và ngày càng sầm uất hơn một thập kỷ qua.

Trong thời đại công nghiệp hoá, đổi mới kinh tế, phát triển khoa học kỹ thuật, đô thị hoá và toàn cầu hoá, ngày nay sự gia tăng các hoạt động tín ngưỡng dân gian là điều ít ai ngờ tới. Tất nhiên, Việt Nam không phải là một trường hợp riêng lẻ. Những hiện tượng tương tự đang xuất hiện khắp nơi ở khu vực Đông Nam Á và ở nhiều nơi khác.

Điều nằm ngoài dự đoán của phần lớn các nhà xã hội học là tín ngưỡng tôn giáo đang ngày càng được phục hồi trở lại. Dưới mắt các nhà tư tưởng chịu ảnh hưởng của thuyết tiến hoá trong lĩnh vực nhân học, tín ngưỡng tôn giáo là di sản của một thời xa xưa khi mà con người chưa được sự trợ giúp của khoa học để tìm hiểu và làm chủ thiên nhiên. Theo quan điểm này, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, cuộc sống con người ngày càng được bảo đảm, và vì vậy tín ngưỡng tôn giáo từng giúp con người lý giải và khắc phục các trở ngại, một ngày kia sẽ bị đẩy lùi vào quên lãng.

Theo sau Max Weber, một số nhà nghiên cứu xã hội học cho rằng cùng với quá trình hiện đại hoá (được mô tả như là quá trình duy lý hoá mọi khía cạnh của đời sống xã hội) các khuynh

hướng tôn giáo sẽ biến mất dần. Các Mác xem tôn giáo là một công cụ của giai cấp thống trị để áp bức người nghèo khổ và yếu thế trong xã hội. Một khi những tầng lớp bị áp bức đạt được bình đẳng và công bằng xã hội, tôn giáo sẽ rơi dần vào quên lãng. Các nhà lý luận khác lại tiên đoán rằng thời đại toàn cầu hoá và truyền thông tân tiến sẽ loại trừ các dị biệt giữa văn hoá các dân tộc và tất cả chúng ta sẽ sống trong một ngôi “làng toàn cầu”, cùng chia sẻ một nền văn hoá chung.

□ Việt Nam có khá nhiều người thường coi các phong tục thờ cúng như thờ cúng Bà Chúa Xứ là mê tín dị đoan, một cụm từ làm người ta liên tưởng với sự lạc hậu, phi lý và lười biếng. Khi tôi hỏi một vài người quen (là giáo viên, là công nhân của công ty nước ngoài tại Thành phố HCM) về nguyên nhân tại sao Bà Chúa Xứ được sùng bái như vậy, thì họ đưa ra nhiều ý kiến khác nhau. Theo họ, lễ Vía Bà Chúa Xứ được tổ chức ở vùng sâu tại nông thôn, xa thị thành, một nơi dân trí thấp, nơi mà người ta sống thiếu thông tin, khoa học kỹ thuật chưa được phát triển và cũng là nơi mà các hủ tục phong kiến còn chi phối đời sống xã hội. Họ đều cho rằng cần phải có giải pháp để giúp người dân địa phương thoát khỏi hoàn cảnh này, để họ được giáo dục và đào tạo tốt hơn, đồng thời nhà nước cũng phải có chính sách đẩy mạnh công nghiệp hoá ở đồng bằng sông Cửu Long để người dân trong vùng có cơ hội tiếp xúc và giao lưu với thế giới bên ngoài.

Các nhà dân tộc học người Việt thì nhìn hiện tượng này ở một góc độ tích cực hơn. Theo họ, lễ hội Bà Chúa Xứ biểu lộ những giá trị tinh thần của xã hội nông thôn, đặc biệt là của văn hoá vùng đồng bằng sông Cửu Long với nhiều sắc thái đặc thù.

Các công trình khảo sát về những vị nữ thần được thờ cúng ở Nam Bộ thường phân tích biểu tượng nữ thần như là những điểm tựa tâm linh

* Tôi xin cảm ơn Phạm Thu Thủy ở Đại học Quốc gia Úc và Phạm Quỳnh Phương ở Viện Văn hoá Việt Nam đã giúp tôi chuẩn bị bản tiếng Việt của bài này; cảm ơn Dương Bích Hạnh đã mời tôi tham gia hội thảo về Phương pháp học tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và cảm ơn Quỹ Toyota đã tài trợ để giúp tôi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội tham gia hội thảo nói trên.

của người nông dân (Thạch Phương và các tác giả khác 1992; Nguyễn Phương Thảo 1992; Nguyễn Đăng Duy 1997). Tục thờ cúng Bà Chúa Xứ được coi là sự phản ánh hệ sinh thái nông nghiệp lúa nước có mặt tại Việt Nam từ rất lâu. Nghi lễ tắm bà trong lễ hội Vía Bà Chúa Xứ cũng được mô tả như là một lễ cầu mưa, biểu lộ vũ trụ luận văn hoá nông nghiệp gắn liền với các chu kỳ mùa vụ (Nguyễn Minh San 1993:33; Nguyễn Đăng Duy 1997:162).

Tục thờ cúng những vị thần này được đề cao như là một hoạt động tín ngưỡng thuần tuý Việt Nam. Các vị nữ thần được hiểu như là dấu tích còn sót lại của một nền văn hoá mẫu quyền cổ truyền Đông Nam Á. Tục lệ thờ cúng này cũng là để tôn vinh và ghi nhớ công ơn của tổ tiên đã khai phá và mở mang bờ cõi.

Các công trình khảo sát về lễ hội chỉ tập trung vào những nghi lễ cúng tế, dưới sự chủ xướng của các vị chức sắc và bộ lão trong làng, cầu thần phù hộ cho dân địa phương bình an mạnh khoẻ (Mai Văn Tạo 1995; Thái Thị Bích Liên 1998). Lễ hội được coi như mối dây liên kết mọi tầng lớp dân cư trong làng, một sinh hoạt văn hoá truyền thống nhằm bảo tồn tinh thần cộng đồng và giáo dục ý thức hiếu nghĩa, lòng biết ơn đối với công đức của tổ tiên (*Hội hè Việt Nam*-Nxb. Văn hoá dân tộc 1990:24).

Mục đích của các công trình khảo sát này nhằm khẳng định rằng tín ngưỡng thờ các nữ thần giữ một vai trò quan trọng trong đời sống dân cư ở nông thôn - bộ phận dân cư chiếm 80 % dân số Việt Nam. Các nữ thần góp phần vào việc bảo vệ và giữ vững cơ cấu xã hội nông thôn khi mà văn hoá truyền thống dường như đang mất đi trong đời sống ở thành thị.

Tuy nhiên, các quan điểm này cũng có nhiều điều cần phải bàn.

Một là: Vùng đồng bằng sông Cửu Long đang thay đổi khá nhanh, chứ không phải bị đông cứng trong quá khứ hoặc bị ràng buộc với các chu kỳ mùa vụ. Tỉnh An Giang ngày nay có số lượng gạo xuất khẩu vào loại hàng đầu trong nước. Do kỹ thuật mới, mùa vụ sản kế tiếp không ngừng; người nông dân biết sử dụng máy móc nuôi cá xuất khẩu. Dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long không sống biệt lập, mà nhờ hệ

thống sông rạch thuận lợi, họ được liên kết với các vùng khác và thế giới. Nghề trồng lúa ngày nay chịu ảnh hưởng rất lớn từ những biến động trong nền kinh tế thế giới và các chính sách của nhà nước. Trong bối cảnh cơ chế thị trường, xã hội nông thôn không hoàn toàn ổn định. Một số lớn nông dân làm ăn thất bại, rồi vì nợ nần phải bán đất, dời đi nơi khác, hoặc đổi nghề.

Hai là: Khá đông dân cư trong vùng chung quanh miếu Bà Chúa Xứ không nhận Bà là thần linh của họ. Ví dụ, những tín đồ theo đạo Hoà Hảo - một tôn giáo ra đời và phát triển trong điều kiện kinh tế hàng hoá nông nghiệp tại Nam Bộ - cho rằng tín ngưỡng thờ thần làm giảm sút tinh thần tự lực tự cường ở con người. Họ kêu gọi cảnh giác với những kẻ chuyên thêu dệt chuyện thần thánh hoang đường nhằm lừa bịp và moi tiền người khác. Một số nhà sư ở đồng bằng sông Cửu Long cho rằng chính Phật giáo Tiêu thừa (chứ không phải tín ngưỡng thờ thần) mới là tôn giáo thuần tuý của người bản địa. Những người Chăm ở đây theo đạo Hồi, và họ bảo với tôi rằng thờ cúng thần linh là tin nhầm.

Một người dân mà tôi gặp ở một xã gần miếu Bà Chúa Xứ đưa ra một nhận xét khá lý thú. Cô cho rằng vị thần ở làng Vĩnh Tế là một thần ngoại giao. Phần lớn khách viếng miếu Bà ấy là những người từ xa đến. Theo cô, lễ Vía Bà hằng năm không ngoài mục đích thương mại. Một người khác đặt câu hỏi đầy vẻ thách thức: “Nếu như Bà Chúa Xứ linh thiêng, có nhiều phép màu như người ta nói, thì tại sao lại có quá nhiều người nghèo sống quanh miếu của Bà như vậy?”

Trong khi dự lễ Vía Bà Chúa Xứ, tôi thấy phần lớn những người hành hương tôi gặp đều là khách từ nơi xa đến: Từ Cà Mau, Tiền Giang, Vũng Tàu, thậm chí từ Huế và Hà Nội. Để biết được điều này, tôi chỉ cần đi dọc theo con đường và đọc biển số xe của khách hành hương. Đến tham quan các xã tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, tôi được tiếp xúc với khá nhiều người mà năm nào cũng đi Vía Bà. Họ thường thuê xe đi một nhóm đông và trên đường đến Núi Sam, họ dừng lại nhiều chùa để cúng. Nói điều này cho thấy rằng để tìm hiểu những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian ở một vùng, chúng ta không thể hạn chế phạm vi nghiên cứu tại địa phương đó, mà phải theo chân khách hành hương đến

các địa điểm linh thiêng mà họ cho rằng có liên quan đến cuộc sống của họ.

Vậy có thật là những người mà chúng ta có thể gặp trong miếu Bà Chúa Xứ đến từ khắp nơi không? Tôi để ý quan sát thấy khá nhiều người đến từ những vùng đô thị và phố chợ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Khi tôi đến Châu Đốc vào những tháng đầu năm, tôi để ý thấy phần lớn khách trong miếu là người từ các thành phố, thị xã ở đồng bằng Nam Bộ. Những người bán cà phê ở xã Vĩnh Tế cho tôi biết, trong bốn tháng đầu năm phần lớn khách hành hương đều là người Sài Gòn và họ chiếm khoảng bốn chục phần trăm tổng số khách hành hương hàng năm.

Điều này có ý nghĩa gì? Có phải là vì người thành thị giàu có, đủ điều kiện để đi du lịch? Có phải là vì ở thành thị đường sá tốt hơn và các phương tiện đi lại như xe đò, xe hơi cũng nhiều hơn? Nếu vậy thì có nghĩa là một khi cơ sở hạ tầng phát triển, phương tiện giao thông được cải thiện và mức sống nâng cao, thì các sinh hoạt tín ngưỡng như chúng ta đang nói ở đây cũng không nhất thiết bị rơi vào quên lãng. Ngược lại, cuộc sống tiện nghi hiện đại có thể làm gia tăng các sinh hoạt tín ngưỡng loại đó.

Để tìm lời giải cho vấn đề này, tôi đi tìm những người mà theo lời dân địa phương, chiếm một phần lớn số khách hành hương miếu Bà Chúa Xứ. Tôi muốn biết về gia đình, nghề nghiệp, những vấn đề trong cuộc sống của họ, và tìm hiểu lý do tại sao họ đi hành hương xa như vậy. Do đó, tôi đến thành phố Hồ Chí Minh. Đây là thành phố lớn nhất ở Đông Dương, một trung tâm quan trọng của nền kinh tế thị trường ngày nay ở Việt Nam. Đây là một thành phố công nghiệp hoá đang thay đổi nhanh chóng hướng tới quan hệ quốc tế và luôn nhìn ra thế giới bên ngoài. Có vẻ như lạ lùng và nghịch lý khi tôi lại đến một nơi là thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu về lễ hội Bà Chúa Xứ, một tục lệ thờ cúng ở chốn thôn dã xa xôi. Hơn nữa, tôi đang làm theo lời khuyên của người dân ở Châu Đốc, những người mà các bạn có học thức của tôi thường chê là nhà quê.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, tôi phát hiện ra một điều là đi Châu Đốc cúng Bà Chúa Xứ trong số những người là công nhân viên có trình độ

học thức, có nghề nghiệp chuyên môn; hay là công nhân xí nghiệp nhà máy, rất ít người và cũng ít có ai có thể giải thích về bản sắc và tiểu sử của Bà. Khi tôi hỏi thì họ nói rằng họ cảm thấy rất lạ khi một người nước ngoài như tôi lại quan tâm đến một khía cạnh xã hội Việt Nam mà theo ý họ, thuộc về truyền thống, có vẻ cổ lỗ và kỳ quặc. Trong khi đó, họ đang phấn đấu học tiếng Anh cho giỏi, nắm vững các công nghệ mới và kinh doanh mà theo nhận xét của họ đã làm cho các xã hội khác giàu mạnh. Những sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo như Vía Bà Chúa Xứ quá xa cách và không dính dáng gì đến đời sống của họ. Thế nhưng tôi nhận thấy ở thành phố đầy những người thường xuyên hành hương miếu Bà. Tại một chợ gần nơi tôi ở, hầu như ai cũng đi hay hành hương là những người làm ăn buôn bán, những người mà cuộc đời họ hình như chỉ xoay quanh những cuộc hành hương này. Tôi chỉ đi theo họ trong lúc họ buôn bán ở chợ, ngoài tiệm, đến chơi nhà họ và hỏi han đủ thứ. Họ nói rằng Bà Chúa Xứ là người phù hộ cho họ vì Bà rất linh thiêng. Họ đến miếu Bà mỗi năm để xin phép bán, để xin được mua may bán đắt. Họ cũng mượn tiền của Bà để đầu tư làm ăn. Nếu làm ăn phát đạt thì họ trở lại Châu Đốc, đến miếu tiền của Bà để tạ ơn, cúng trái cây, cúng heo quay, theo lời hứa của họ. Hàng năm có vô số người quay lại, đủ thấy sự linh thiêng của Bà. Trên thực tế họ nào dám không quay lại. Nếu thất hứa với Bà thì Bà sẽ không cho bán, không cho ngủ, gây nhức đầu hoặc những bệnh tật nặng hơn.

Tại phố Hàng Bạc ở Hà Nội, tôi cũng được người ta kể cho nghe những chuyện tương tự như vậy về những cuộc hành hương Chùa Hương. Những người làm ăn buôn bán thường đi Chùa Hương cúng Bà Chúa Ba. Họ không rõ lai lịch nguồn gốc của Bà, nhưng họ nói Bà có thể giúp người làm giàu, có thể gây tai hại cho người và tán gia tài sản. Chỉ những ai giàu có mới dám đi Chùa Hương vì nếu đi một lần là phải quay lại đủ bảy hay chín lần. Người nghèo lấy đâu ra tiền mà đi.

Khi tôi đem những câu chuyện này kể lại với những người quen có học thức, có hiểu biết về văn hoá Việt Nam, thì họ thường tỏ ra lo lắng. Có người nói đến tính chất phi lý của tín ngưỡng

này, phản ánh trình độ thấp kém của những người làm ăn buôn bán bị những kẻ buôn thần bán thánh lợi dụng lòng gạ. Có người coi tín ngưỡng này là một liều thuốc an ủi những ai bị thất bại trong công việc làm ăn buôn bán. Một số người cho rằng việc lễ bái này là một hiện tượng quá độ nhất thời, chỉ thịnh hành trong lúc Nhà nước chưa ổn định được kinh tế thị trường để đảm bảo thu nhập cho mọi người. Số khác nữa thì cho rằng những người cúng bái thần linh là những kẻ làm chuyện phạm pháp; vì sợ pháp luật cho nên họ mới cầu xin thần linh che chở. Đặc biệt, có một số người cho rằng chính mối quan hệ giữa kinh doanh và tín ngưỡng đã làm cho tín ngưỡng dân dã này biến thái và bị giảm giá trị một cách đáng tiếc. Theo ý họ, tín ngưỡng này phải gắn liền với truyền thống và tinh thần cộng đồng.

Tuy nhiên, những gì chúng ta đang khảo sát không phải là điều mê tín, phản luân lý đạo đức, cũng không phải là sinh hoạt tín ngưỡng dân gian trong lãnh bị văn hoá đô thị hoá làm sa đọa. Sự khác biệt giữa các quan điểm về chức năng và bản sắc của một vị thần - ở đây là trường hợp Bà Chúa Xứ, có thể được coi như là sự phản ánh của sự khác biệt trong nghề nghiệp giữa các nhóm người quan tâm đến vị nữ thần này.

Đối với những ng-ời làm ăn buôn bán, vấn đề lớn nhất của họ là thu nhập thiếu ổn định. Mặc dù không nghèo nh-ng họ cũng không thể biết chắc chắn khi nào buôn bán đ-ợc lời. Vì vậy họ cầu xin Bà Chúa Xứ phù hộ, giúp họ làm chủ tình hình cũng nh- tiên đoán những biến động trên thị tr-ờng kinh doanh. Những điều cầu xin Bà Chúa Xứ góp phần củng cố một số tiêu chuẩn đạo đức phổ biến trong giới kinh doanh, chẳng hạn nh- không đ-ợc ăn cắp, nói dối hay giựt nợ, nếu không thì sẽ bị làm ăn thua lỗ. Hơn nữa, quan hệ giữa ng-ời buôn bán và Bà Chúa Xứ đ-ợc mô phỏng theo những tập quán th-ờng thấy trong giới kinh doanh, ví dụ nh- làm ăn phải giữ uy tín với khách hàng, tuân thủ những quy chế bất thành văn trong việc trả giá, vay m-ợn tiền, và mua chịu, Danh tiếng Bà Chúa Xứ giờ đã lan rộng, nguyên nhân chính là vì Bà đáp ứng lời cầu xin của khách thập ph-ong đến lễ bái. Nh- vậy cũng nh- Bà đã làm một dịch vụ quý giá giúp đỡ những ng-ời kinh doanh. Theo nhận xét của những ng-ời này thì Bà luôn luôn th-ờng phạt

rất nghiêm minh. Về nhiều ph-ong diện, Bà Chúa Xứ là hình ảnh của những ng-ời buôn bán g-ong mầu, đầy tự tin trong công việc làm ăn của mình.

Việc thờ cúng Bà Chúa Xứ gắn liền với một thành phần kinh tế rất thành công. Những ng-ời tin theo và ng-ỡng mộ Bà nhất là những ng-ời giàu có nhất trong vùng. Với sự phát triển của cơ chế thị tr-ờng, số ng-ời chuyển sang lĩnh vực kinh doanh ngày càng nhiều, khách hành h-ong đổ về Châu Đốc nhất định sẽ tăng chứ không giảm.

Có thể một số ng-ời vẫn có chiều h-ớng coi việc lễ bái này nh- là một cái mốt thời th-ợng, hoặc là một hiện t-ợng quá độ sẽ chìm vào quên lãng một khi đời sống ổn định hơn và khi các hoạt động kinh doanh sẽ dựa trên văn bản thuần lý trí. Song thực tế của các n-ớc cho ta một kinh nghiệm khác. Chẳng hạn n-ớc Mỹ với nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới, nh-ng cũng là nơi nảy sinh đủ loại tín ng-ỡng tôn giáo thu hút không biết bao nhiêu tín đồ. Và tại Thái Lan, Phật giáo h-ng thịnh trong khi kinh tế ngày càng vững mạnh. Kinh tế thị tr-ờng ở Trung Quốc phát triển thì tín ng-ỡng tôn giáo cũng theo đó mà phát triển mạnh. Những thí dụ này cho thấy tín ng-ỡng tôn giáo không phải là điều trái ng-ợc với đời sống hiện đại, kinh tế thị tr-ờng, công nghiệp hoá và đô thị hoá. Hơn nữa sự hiện đại cho dù d-ới hình thức nào — thị tr-ờng, công nghệ mới hay ph-ong tiện truyền thông hiện đại — cũng không lấn át đ-ợc tín ng-ỡng tôn giáo. Trên thực tế, nếu chúng ta nhìn vào các n-ớc trên thế giới và thấy sự đa dạng của các hình thức tín ng-ỡng tôn giáo, chúng ta phải hiểu rằng đó không phải là tàn d- của các truyền thống cổ x-a còn rơi rớt lại, mà chính là hiện t-ợng của thời hiện đại d-ới nhiều dạng khác nhau. □ Việt Nam, nơi mà các tín ng-ỡng thờ thần gắn liền với ngoại th-ong, kinh doanh và kinh tế tiền tệ, chúng ta cũng có thể thấy những biểu hiện t-ợng tự ở những nơi nh- Hải Phòng, Hội An, thành phố Hồ Chí Minh và các thị xã ở đồng bằng sông Cửu Long, tất cả đều là những trung tâm th-ong mại quan trọng.

Tín ng-ỡng thờ thần th-ong nghiệp vốn chỉ gắn liền với ng-ời Hoa, phân đông sinh sống bằng nghề buôn bán. Tập quán thờ cúng này phản ánh khuynh h-ớng kinh doanh của họ. Họ

m-ợn tiền của Tiên Hậu và Quan Công, dâng lễ cúng tạ ơn khi ăn nên làm ra, và khẳng định lòng hiếu nghĩa trung thành đối với cha mẹ, cộng đồng. Sự thành công của họ về mặt kinh tế có thể liên quan đến những truyền thống văn hoá này. Quan niệm Bà Chúa Xứ là vị thần phù hộ các hoạt động th-ơng mại, kinh doanh đã chịu ảnh h-ởng của tín ng-ỡng thân bảo hộ th-ơng mại ở ng-ời Hoa.

Bà Chúa Xứ cũng là một đối t-ợng nghiên cứu đầy thú vị, bởi lẽ ở Bà hội tụ nhiều luồng ảnh h-ởng văn hoá khác nhau: Việt, Chăm và Khơ me (xem Taylor 2002). Nh- một vài nhà dân tộc học đã nhận xét, vị nữ thần này là sản phẩm của môi tr-ờng đa văn hoá ở Nam Bộ. Nh- chúng ta đã biết, tất cả tín ng-ỡng tôn giáo Việt Nam đều nh- vậy, một sự pha trộn kết hợp của nhiều ảnh h-ởng khác nhau. Trong các biểu t-ợng tôn giáo chúng ta thấy không chỉ có sự bảo vệ, duy trì văn hoá địa ph-ơng mà còn có cả một lịch sử vay m-ợn, trao đổi và tái tạo. Thay vì là một tập quán địa ph-ơng biệt lập, các cuộc hành h-ơng Bà Chúa Xứ hàng năm là một ngã t-đ-ờng, nơi mọi ng-ời gặp gỡ và trao đổi các mẫu chuyện về lai lịch và quyền năng của Bà. Những ng-ời hành h-ơng trở thành những đứa con cùng chia sẻ một ý niệm về lai lịch và nguồn gốc của Bà. Song, cũng cần thấy rằng những ng-ời đến viếng miếu Bà Chúa Xứ cũng gắn liền hình ảnh Bà với văn hoá riêng của họ. Một số ng-ời Hoa cho rằng Bà Chúa Xứ chính là Tiên Hậu, vị thần mà ng-ời miền nam Trung Quốc thờ cúng; một số ng-ời Kinh coi Bà nh- là một vị thần có công bảo vệ đất n-ớc chống lại quân Xiêm và cho rằng việc vay m-ợn tiền của Bà để làm ăn là do ảnh h-ởng của ng-ời Hoa, và đó là một tín ng-ỡng sai lầm. Một số ng-ời cho rằng Bà gốc ng-ời Khơ me, và lai lịch thật sự của Bà đã chìm vào quên lãng.

Qua một biểu t-ợng tín ng-ỡng tôn giáo nh- Bà Chúa Xứ, chúng ta có thể thấy bản sắc th-ờng đ-ợc vay m-ợn lẫn lộn, nh-ng bản sắc cũng đ-ợc bảo vệ và phát triển. Biểu t-ợng Bà Chúa Xứ mang nhiều ý nghĩa, đối với mỗi nhóm ng-ời, Bà có một ý nghĩa khác nhau. Đây là vấn đề ph-ơng pháp luận đối với những ai muốn nghiên cứu về tín ng-ỡng tôn giáo. Nh- Victor Turner (1967) đã chỉ ra, mỗi biểu t-ợng tín ng-ỡng tôn giáo không chỉ có một ý nghĩa duy nhất. Những biểu t-ợng này th-ờng không rõ

ràng, trái lại khá nhập nhằng và đa tầng nghĩa. Vì vậy, ng-ời ta muốn hiểu chúng thế nào cũng đ-ợc. Trong quá trình nghiên cứu Bà Chúa Xứ tôi đã thu góp lại hơn m-ời lăm chuyện về bản sắc của Bà với nội dung khác xa nhau. Mỗi ng-ời hành h-ơng đến miếu của Bà đều mang theo quan điểm riêng của họ về Bà, mà nếu tôi không chịu khó làm quen với họ thì tôi cũng sẽ không hiểu đ-ợc ý nghĩa chung của cuộc hành h-ơng này.

Đây chính là lý do tại sao ng-ời ta không thể chỉ dựa vào các văn bản hoặc nhờ các tu sĩ và chức sắc, các chuyên gia ở địa ph-ơng giảng giải để tìm hiểu về tín ng-ỡng tôn giáo. Chúng ta phải tìm hiểu nghiên cứu ở ngay chính những ng-ời tham gia vào hoạt động tín ng-ỡng tôn giáo đó, và dò hỏi xem những biểu t-ợng có ý nghĩa gì đối với họ, nghe họ kể những mẫu chuyện có liên quan đến lai lịch và hành trạng của vị thần, xin họ giảng giải về mục đích của các nghi lễ thờ cúng. Chúng ta cần quan sát kỹ l-ỡng mối quan hệ giữa tín ng-ỡng tôn giáo và đời sống hàng ngày của họ, bao gồm những yếu tố nh- hoàn cảnh kinh tế, nghề nghiệp, truyền thống dân tộc và địa vị xã hội.

Sở dĩ chúng ta cần phải để ý tìm hiểu thấu đáo nh- vậy là vì không phải bất cứ thành phần xã hội nào cũng đi lễ bái các vị thần linh nh- Bà Chúa Xứ. Chúng ta nghe nói nhiều rằng tín ng-ỡng thờ thần là một tín ng-ỡng tiêu biểu của ng-ời Việt. Song, chúng ta cũng có thể tranh luận rằng tín ng-ỡng thờ thần không phải là một hiện t-ợng Việt Nam có tính phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Một thí dụ: tại sao có quá ít đàn ông tới lễ bái ở miếu Bà Chúa Xứ? Tuyệt đại đa số khách hành h-ơng miếu Bà Chúa Xứ là phụ nữ.

Khi tôi hỏi một số nam giới về điều này thì họ nói rằng sở dĩ có nhiều phụ nữ hơn đàn ông tín t-ợng vào tôn giáo bởi rất có thể là vì phụ nữ thiếu tự tin hơn đàn ông; có thể là họ không đ-ợc tiếp xúc nhiều với sự hiện đại, những t- t-ợng mới so với đàn ông, có thể là họ không có cơ hội đi học để mở mang trí tuệ nh- đàn ông, hoặc họ là thành phần bị thiệt thòi trong xã hội. Do đó, những ng-ời đ-ợc hỏi này cho rằng tín ng-ỡng tôn giáo là biểu hiện của tàn d- phong kiến trong xã hội, là chỗ n-ơng tựa cho những ai là nạn nhân của sự bất công và thiếu bình đẳng vẫn còn

dai dẳng trong xã hội, là một hình thức đền bù, an ủi hay thậm chí một cách thoát ly hiện thực đời sống chật vật, khó khăn. Theo họ hiện đại hoá xã hội là một điều cần thiết để xã hội đ-ợc công bằng hơn, mọi ng-ời đều đ-ợc ăn học và tham gia các hoạt động xã hội chính trị; khi đ-ợc học tập và hiểu biết hơn, phụ nữ sẽ không còn ham lễ bái nữa.

Lối giải thích này từ trong căn bản của nó đã tiềm tàng một số định kiến. Thí dụ: Tín ng-ỡng tôn giáo thuộc về quá khứ, không phải hiện tại. Không thể tìm thấy tôn giáo ở những nơi liên quan đến hiện đại hoá và công nghiệp hoá, chẳng hạn nh- cơ quan văn phòng, nhà máy và tr-ờng học. Tôn giáo chỉ đ-ợc tìm thấy ở nhà riêng, những nơi chợ búa hay thôn dã. Tín ng-ỡng tôn giáo gắn liền với bất công áp bức. Tín ng-ỡng tôn giáo không thể nào tồn tại trong một xã hội lành mạnh, hiện đại và giàu mạnh đ-ợc. Nó biểu hiện cho sự thiếu phát triển, và trong quá trình v-ơn tới một xã hội dân chủ hiện đại, rất có thể là nó sẽ bị bỏ lại phía sau.

Nh-ng liệu chúng ta có thể phủ nhận tính hiện đại của tín ng-ỡng thờ thần và các sinh hoạt hành h-ong chỉ vì rất ít đàn ông tham gia? Chẳng lẽ sự hiện đại chỉ đ-ợc tìm thấy ở các ngành nghề phần lớn do đàn ông nắm giữ, thí dụ nh- hành chính, nghiệp vụ chuyên môn và giới quản lý thời sao? Có thật là tín ng-ỡng tôn giáo sẽ biến mất một khi số phụ nữ tham gia vào các ngành nghề này tăng lên?

Những phụ nữ đi hành h-ong miếu Bà Chúa Xứ th-ờng xuyên nhất lại là những ng-ời thực thi một vai trò quan trọng trong nền kinh tế đ-ong đại. Họ là những ng-ời buôn bán ở các chợ. Họ mua thực phẩm ở nông thôn và bán lại cho ng-ời thành thị, cung ứng các loại hàng hoá nhập khẩu, dịch vụ tín dụng (cho vay) và dịch vụ sinh hoạt. Họ cũng nuôi dạy con cái, chăm sóc sức khoẻ chồng con, lo kinh tế gia đình. Thông th-ờng họ vừa buôn bán vừa lo công việc gia đình. Nhiều ng-ời buôn bán ngay tại nhà riêng. Họ là một nhân tố không thể thiếu đ-ợc cho sự thành công của xã hội trong những năm gần đây. Nếu chúng ta không kể sự đóng góp của họ là hiện đại thì chúng ta đã đánh giá quá thấp một bộ phận thiết yếu của xã hội. Những thành quả phát triển kinh tế từ khi đổi mới thật khó mà đạt đ-ợc nếu nh- không có công lao đóng góp của

họ. Trong các tác phẩm n-ớc ngoài nói về đổi mới kinh tế, vai trò của những phụ nữ này vẫn ch-a đ-ợc đánh giá đúng mực. Các nhân vật chính, các vai “anh hùng” của quá trình đổi mới, vẫn là đàn ông: Các nhà lãnh đạo chính trị, công chức, cán bộ nhà n-ớc, giám đốc công ty t-nhân, quản lý kỹ thuật công nghệ. Trong đời sống thực tế, công lao của những phụ nữ này cũng không đ-ợc nhìn nhận đúng mức. Th-ờng họ làm việc không l-ong, ng-ời bán hàng ở chợ bị đánh giá thấp và cũng không đ-ợc quan tâm giúp đỡ mỗi khi thị tr-ờng biến động, kinh tế bị khủng hoảng.

Nhiều phụ nữ có quan điểm hoàn toàn khác về tín ng-ỡng Bà Chúa Xứ. Họ tin Bà Chúa Xứ có quyền năng thực sự đem lại thành công trong kinh doanh, gia đình và cá nhân. Vị nữ thần này còn là nhân vật chính trong một câu chuyện khác. Theo câu chuyện này thì chìa khoá của sự phát triển kinh tế trong vùng là một vị thần linh biểu t-ợng cho phụ nữ và đ-ợc phụ nữ lễ bái thờ cúng.

Về nhiều mặt, Bà Chúa Xứ là biểu t-ợng của phụ nữ. Sự việc Bà là vị thần lớn và linh thiêng nhất ở Nam Bộ có thể đ-ợc coi nh- là tiêu biểu cho vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội ở địa ph-ong.

Bà Chúa Xứ cũng là một biểu t-ợng do phụ nữ tạo ra. Bằng cách tôn vinh vị nữ thần này, coi Bà là chìa khoá của sự thành công về mặt kinh tế, có thể nói phụ nữ đã biểu t-ợng hoá và tôn vinh những hoạt động buôn bán và nội trợ của mình nh- là những hoạt động quan trọng hàng đầu trong xã hội.

Sau hết, Bà là một biểu t-ợng vì phụ nữ. Bà trợ giúp, phù hộ cho phụ nữ trong khi họ vất vả kiếm sống, sinh con đẻ cái, lèo lái chiếc thuyền gia đình qua cơn sóng gió. Vì lý do đó chúng ta không thể coi Bà Chúa Xứ là một hiện t-ợng bất bình th-ờng, không bền vững hay là một biểu hiện khủng hoảng xã hội. Trên thực tế Bà đã trợ giúp phụ nữ v-ợt qua hoàn cảnh khó khăn để đạt tới thành công. Vị nữ thần này quả là một ph-ong tiện trong quá trình phát triển kinh tế ở Nam Bộ.

Nếu chúng ta muốn xây dựng một xã hội hiện đại, dân chủ và công bằng mà không loại trừ một thành phần hay một nhóm xã hội nào, cần phải

chú ý tới các thần linh nh- Bà Chúa Xứ. Bởi lẽ Bà đã trở thành một biểu tượng, một người bạn sát cánh với phụ nữ trong những hoạt động xã hội hiện đại. Bà là một trong những nhân tố văn hoá quan trọng của xã hội này. Nếu chúng ta cho Bà là bất bình thường hoặc không đáng gì tới sinh hoạt đời sống hàng ngày, tức là chúng ta đã bỏ qua tính hiện đại và sự thành công của Bà. Nếu chúng ta chê bai Bà là lạc hậu, là lỗi thời, tức là chúng ta không đếm xỉa gì tới lối sống và truyền thống của một số đồng người trong xã hội.

Song, trên con đường tiến tới một xã hội công bằng và dân chủ chúng ta cần phải xem xét kỹ càng hơn nữa các vị thần linh nh- Bà Chúa Xứ. Dựa trên những câu chuyện kể về Dinh Cô, Bà Đen, và một số truyền thuyết dân gian về Bà Chúa Xứ, chúng ta thấy rằng họ đều là những người có số phận long đong; họ đều chết non; họ đều bị cưỡng hiếp hay tự tử chết. Họ chết bở chết bụi, không có gia đình và người thân bên cạnh; họ chẳng có chồng con. Có thể đây là một cách khác để chúng ta tìm hiểu về ý niệm linh thiêng về vị thần được thờ. Họ hiển linh sau khi chết vì lúc sống họ không thực hiện được những điều kỳ vọng của một cuộc đời. Họ linh thiêng vì họ muốn được người lễ bái thờ cúng. Họ yếu đuối, thiếu thốn và tuyệt vọng, vì thế cho nên chỉ cần dâng cúng một lễ nhỏ là họ sẽ đáp ứng ban ơn lại rất nhiều.

Theo ý tôi, những truyền thuyết này đưa ra một quan điểm rất hạn chế và nghèo nàn về ý nghĩa của cuộc sống con người. Người có thể chính vì vậy mà những nữ thần này lại là những vị thần linh thiêng và được nhiều người lễ bái nhất ở Nam Bộ. Lúc nào các vị thần này cũng đáng tin cậy, sẵn sàng hy sinh thân mình, sẵn sàng làm bất cứ việc gì cho người khác.

Trước sự sùng bái của quần chúng đối với những vị nữ thần này, chúng ta không thể không đặt câu hỏi: Phải chăng việc thờ các vị nữ thần này phản ánh một quan niệm xã hội phổ biến, rằng sự thành công của phụ nữ có giới hạn, thậm chí phải chấp nhận bị lợi dụng bóc lột mới có được một chỗ đứng trong xã hội? Phải chăng những nữ thần này phản ánh sự đánh giá của xã hội rằng phụ nữ không thể trông mong gì hơn là sống đau khổ và chết tức tị nếu họ không hy sinh thân mình cho xã hội? Trong lúc kể lại những truyền thuyết này, có phải các cô đã tiếp

thu và nhập tâm những chuyện đời đau khổ, rồi coi đó là số phận không tránh khỏi của giới phụ nữ nói chung? Nếu vậy thì quan niệm này phải chăng là có hại cho những người tin theo? Đây là những câu hỏi không dễ tìm lời giải. Bà Chúa Xứ đã được phụ nữ sáng tạo ra nh- là một cách để tự khẳng định mình, thế người Bà cũng có thể được coi nh- là một hình ảnh bi quan về thân phận người đàn bà, một mặt tiêu cực của ý niệm về nữ tính. Bà đem lại cho phụ nữ khả năng và sức mạnh để gánh vác những công việc nặng nhọc, người rất có thể, Bà cũng góp phần biện minh cho việc lợi dụng và bóc lột họ. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng không thể coi tín người Bà Chúa Xứ chỉ là một di tích của thời phong kiến. Đây là một tín người đương đại và có liên quan tới vai trò của phụ nữ trong xã hội và kinh tế hiện đại. Những người theo tín người Bà Chúa Xứ không phải chỉ là những người khốn khổ, mà trong số họ có nhiều người rất giỏi việc buôn bán. Vốn liếng kiến thức của họ trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính và tín dụng rất quan trọng cho nền kinh tế đương đại. Họ không phải là những phụ nữ nghèo khổ và tuyệt vọng đến với tín người Bà Chúa Xứ để tìm một lối thoát khỏi cảnh nghèo đói. Trái lại họ thường rất giàu có và tài giỏi. Chính vì vậy tín người Bà Chúa Xứ cần được xem xét nh- là một hiện tượng xã hội hiện đại đa tầng ý nghĩa, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và công nghiệp hoá ở Đồng bằng sông Cửu Long và ở Việt Nam nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Hội Hè Việt Nam*. Hà Nội. Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc. H. 1990.
- Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*. Nxb Hà Nội. 1997.
- Nguyễn Phương Thảo. *Tiếp cận lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ*. Tc. Văn hoá dân gian, Số 2 (38) - 1992, tr. 40-54.
- Taylor, Philip. *The Ethnicity of Efficacy: Vietnamese goddess worship and the encoding of popular histories*. Asian Ethnicity 3 (1)- 2002, 85-102.
- Thạch Phương et al. *Văn hoá dân gian Nam Bộ*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, H. 1992. .
- Turner, Victor. *The Forest of Symbols: Aspects of Ndembu ritual*. Ithaca: Cornell U.P, 1967.